|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG AN TỈNH HÀ NAM  **CÔNG AN HUYỆN BÌNH LỤC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
| Số: /BC-CAH | *Bình Lục, ngày tháng 11 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ BẢN 09 LĨNH VỰC XUYÊN SUỐT NĂM 2024 CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCTP VỀ MÔI TRƯỜNG

I. ĐẶC ĐIỂM, PHẠM VI VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐTCB LĨNH VỰC XUYÊN SUỐT

**1. Đặc điểm, phạm vi ĐTCB đối với lĩnh vực**

1.1. Vị trí, tính chất, đặc điểm của lĩnh vực ĐTCB (đánh giá, đối chiếu với tình hình kinh tế - xã hội, ANTT, mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương cả nước năm 2024).

1.2. Phạm vi đã triển khai ĐTCB về lĩnh vực

- Sự điều chỉnh về phạm vi ĐTCB lĩnh vực so với kỳ trước (nếu có)

- Phạm vi tiến hành thu thập thông tin, tài liệu ĐTCB về lĩnh vực trong kỳ báo cáo (phạm vi địa lý, địa bàn, thời gian).

1.3. Số lượng, phạm vi chuyên đề trọng tâm, đối tượng, địa bàn trọng điểm được xác định, tiến hành ĐTCB trong lĩnh vực,

**2. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện ĐTCB lĩnh vực**

2.1. Các văn bản đơn vị đã tham mưu cho lãnh đạo (Cục, Giám đốc Công an tỉnh/thành phố) chỉ đạo công tác ĐTCB trên từng lĩnh vực trong kỳ báo cáo (ghi rõ trích yếu, số văn bản, ngày/tháng/năm ban hành từng văn bản).

- Các văn bản mà các Phòng thuộc Cục đã tham mưu:

- Các văn bản mà PC03 đã tham mưu:

- Các văn bản mà Công an cấp huyện tham mưu:

*2.2. Các văn bản đã trực tiếp ban hành để triển khai thực hiện trên từng lĩnh vực (ghi rõ trích yếu, số văn bản, ngày/tháng/năm ban hành từng văn bản)*

- Các văn bản mà Phòng thuộc Cục đã ban hành, triển khai:

- Các văn bản mà PCO3 đã ban hành, triển khai:

- Các văn bản mà Công an cấp huyện đã ban hành, triển khai:

2.3. Việc phân công, phân cấp, lập hồ sơ ĐTCB từng lĩnh vực

Toàn quốc: số PC03 đã mở hồ sơ ĐV; số PC03 đã mở hồ sơ NV để theo ối; còn PC03 địa phương nào chưa mở hồ sơ, tiến hành ĐTCB theo phân công, hân cấp được giao;

- Đối với PC03: Lĩnh vực đã mở hồ sơ ĐV và tiến hành ĐTCB hay mở hồ •NV để theo dõi theo phân công, phân cấp được giao.

Công an cấp huyện: Số Công an cấp huyện đã mở hồ sơ ĐV; số Công an cấp huyện đã mở hồ sơ NV để theo dõi; còn Công an cấp huyện nào chưa mở hồ sơ, tiến hành ĐTCB theo phân công, phân cấp được giao; số Công an cấp huyện đã có hưởng dẫn, phân công nhiệm vụ phối hợp ĐTCB theo lĩnh vực đối với Công an cấp xã.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CƠ BẢN TỪNG LĨNH VỰC

*(PC03 tập hợp kết quả của cả PC03 và Công an cấp huyện; số liệu thống kê chung của toàn tỉnh/thành phố và phân tích cụ thể theo cấp tỉnh, cấp huyện. Các Phòng nghiệp vụ thuộc C05 tổng hợp kết quả từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ trọng toàn quốc; tổng chung và số liệu ở từng cấp có so sánh với năm trước, kỳ trước).*

1. Đánh giá, nhận diện tình hình, đối tượng ở lĩnh vực

1.1. Tổng quan về lĩnh vực và những chủ trương, chính sách, pháp luật về hoạt động của lĩnh vực, nhất là những chủ trương, chính sách, quy định mới trong kỳ ĐTCB (kỳ báo cáo).

1.2. Đánh giá tình hình, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với lĩnh vực (trong đó có nêu cụ thể về công tác quản lý của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường, tài nguyên, ATTP trong lĩnh vực; các văn bản, nội dung quản lý nhà nước; số lượng cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra; số tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật bị xử lý...); những vấn đề bất cập, sơ hở, thiếu sót; những vấn đề chưa hiệu quả.

1.3. Đánh giá và nhận diện tình hình, vấn đề, đối tượng nổi lên trong công tác PCTP về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm ở từng lĩnh vực: Đánh giá, nhận diện trên cơ sở các chuyên đề/nội dung trọng tâm của từng lĩnh vực ĐTCB xuyên suốt; trong đó cần làm rõ những nội dung sau:

- Các hành vi, phương thức, thủ đoạn, quy luật, tần suất hoạt động của tội phạm, VPPP về môi trường/tài nguyên/an toàn thực phẩm trên lĩnh vực: Nêu rõ những phương thức, thủ đoạn mới; phương thức, thủ đoạn có tính phổ biến; phương thức sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng để hoạt động phạm tội, VPPL; tần suất ít xuất hiện hay diễn ra thường xuyên.

- Các tuyến, địa bàn trọng điểm có những yếu tố nổi lên, tiềm ẩn nguy cơ cao về tội phạm, VPPL về môi trường/tài nguyên/ATTP thuộc lĩnh vực (nêu cụ thể tuyến, địa bàn trọng điểm nào; nổi lên, tiềm ẩn nguy cơ về vấn đề gì).

Các “điểm nóng” về ANTT liên quan đến môi trường/tài nguyên/an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực (ở khu vực các dự án công nghiệp, các khu vực xả thải, đổ, chôn lấp, tập kết chất thải, khu vực khai tác tài nguyên...) - (nếu có).

Tình hình các hội, nhóm, tài khoản trên không gian mạng hoạt động VPPL (số lượng hội, nhóm, tài khoản đã rà soát; các loại hành vi vi phạm; nêu một số hội, nhóm, tài khoản điển hình),

- Tình hình các băng nhóm tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia thuộc lĩnh vực (nếu có).

- Những vấn đề, yếu tố là nguyên nhân, điều kiện hoặc thường bị các đối tượng lợi dụng làm phát sinh, tăng/giảm tội phạm, VPPL về môi trường tài nguyên/an toàn thực phẩm trong lĩnh vực.

*Nhận xét, đánh giá, nhận diện chỉ ra những vấn đề, đối tượng nổi lên (“điểm đồ”, “khẩu nóng”) cần tập trung phòng ngừa, đấu tranh. Cụ thể chỉ rõ: Nhóm vấn đề, đối tượng nào? Ở tuyến, địa bàn thể nào, khâu hoạt động nào? Loại hành vi, phương thức, thủ đoạn nào? Thời gian, địa điểm nào? Tính chất, mức độ nào? Gắn với những tình hình mới nào phát sinh? Cơ sở, điều kiện, bản chất của tình hình tội phạm, VPPL là gì?...*

- Kết quả rà soát, chấm chọn đầu mối có thể phát triển nghiệp vụ từ ĐTCB lĩnh vực xuyên suốt.

2. Công tác nghiệp vụ và kết quả đấu tranh xử lý trên lĩnh vực

*2.1. Đánh giá các kế hoạch, biện pháp PCTP, VPPL về môi trường tài nguyên/ an toàn thực phẩm đã tham mưu, triển khai đối với từng lĩnh vực, nhất là đối với những vấn đề, đối tượng đã nhận diện (số/trích yếu/ngày tháng năm của văn bản; nêu rõ triển khai đối với loại đối tượng, nhóm hoạt động nào, địa bàn, địa chỉ nào? giải pháp, biện pháp gì? có gì mới so với trước? thời gian triển khai; kết quả, hiệu quả chuyển biến tình hình; tồn tại và nguyên nhân).*

2.2. Kết quả, hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản đã thực hiện, phát triển trên lĩnh vực:

Số CTVBM và HTBM (phân tích rõ CTVDD, ĐT, CSBM), đã xây dựng nới, số đã kết thúc, số hiện hành; hiệu quả sử dụng (số tin đã cung cấp, số tin có giá trị, phục vụ phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả chuyên đề gì? số vụ án, vụ iệc nào? phục vụ tham mưu được vấn đề gì?).

* Số vai ảo nghiệp vụ và vai ảo CTVBM đã xây dựng mới, số đã kết thúc, ố hiện hành; hiệu quả sử dụng (số lượng thông tin có giá trị thu được; phục vụ hòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả chuyên đề gì? số vụ án, vụ việc nào? Phục vụ nam mưu được vấn đề gì?).

- Số đối tượng ST về môi trường trên từng lĩnh vực (thống kê cụ thể số đã thanh loại, kết thúc, bổ sung mới, hiện hành, phân loại); số đối tượng bị bắt, vởi tố trong số đối tượng ST; số đối tượng sót lọt sưu tra; số đối tượng sưu tra oạt động trên không gian mạng.

- Số hiềm nghi xác lập mới; nguồn xác lập; kết quả xác minh (số hiềm ghi chuyển chuyên án, số chuyển khởi tố/đề nghị khởi tố, số chuyển xử lý nh chính); số hiềm nghi hiện đang xác minh; số hiềm nghi được xác lập từ iu hiệu nghi vấn hoạt động trên không gian mạng.

- Số chuyên án xác lập mới; nguồn xác lập; kết quả đấu tranh (số chuyên chuyển khởi tố/đề nghị khởi tố, số chuyển xử lý hành chính); số chuyên án

hiện đang xác minh; số chuyên án được xác lập từ dấu hiệu hoạt động phạm tội cụ thể trên không gian mạng.

Số các loại đối tượng khác (ngoài số ST, HN, chuyên án) trong diện cần tiếp tục rà soát về nghiệp vụ.

Số hồ sơ ĐTCB tuyến; địa bàn, khu vực trọng điểm; các tổ chức đã mở trong lĩnh vực và kết quả thực hiện.

Số hồ sơ ĐTCB hội, nhóm, khoản trên không gian mạng (ĐN) đã mở trong lĩnh vực và hiệu quả phát triển nghiệp vụ, phát hiện đấu tranh với tội phạm, VPPL.

2.3. Kết quả đấu tranh xử lý tội phạm, VPPL trên lĩnh vực

Tổng số vụ án đã trực tiếp khởi tố; trong đó phân tích rõ nguồn phát thê: triển và các nhóm phương thức hoạt động của tội phạm, cụ

+ Số vụ có nguồn từ kết quả công tác NVCB;

+ Số vụ có nguồn từ kết quả công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin

báo về tội phạm, VPPL;

+ Số vụ phát hiện từ nguồn khác;

+ Số vụ tội phạm hoạt theo phương thức, thủ đoạn hoàn toàn truyền thống;

+ Số vụ tội phạm hoạt theo phương thức, thủ đoạn đan xen giữa công

nghệ và truyền thống;

+ Số vu tội phạm hoạt theo phương thức, thủ đoạn mới, sử dụng công nghệ, không gian mạng.

- Tổng số vụ chuyển đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án; trong đó phân tích rõ nguồn phát triển và các nhóm phương thức hoạt động của tội phạm, cụ thể:

+ Số vụ có nguồn từ kết quả công tác NVCB;

+ Số vụ có nguồn từ kết quả công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin

báo về tội phạm, VPPL;

+ Số vụ phát hiện từ nguồn khác;

+ Số vụ tội phạm hoạt theo phương thức, thủ đoạn hoàn toàn truyền thống;

+ Số vụ tội phạm hoạt theo phương thức, thủ đoạn đan xen giữa công nghệ và truyền thống;

+. Số vụ tội phạm hoạt theo phương thức, thủ đoạn mới, sử dụng công nghệ, không gian mạng.

Tổng số vụ trực tiếp xử lý VPHC và tổng số tiền xử phạt; trong đó phân tích rõ:

+ Số vụ do cá nhân vi phạm;

+ Số

vụ do tổ chức vi phạm.

5

- Tổng số vụ chuyển cơ quan chức năng xử lý VPHC và tổng số tiền xử

phạt; trong đó phân tích rõ:

+ Số vụ do cá nhân vi phạm;

+ Số vụ do tổ chức vi phạm.

3. Kết quả công tác tham mưu, kiến nghị, đề xuất

Nêu cụ thể từng văn bản đã tham mưu, kiến nghị, đề xuất từ kết quả công tác ĐTCB lĩnh vực xuyên suốt (nêu rõ số/ngày của văn bản; loại văn bản; tham mưu, đề xuất đối với cơ quan nào, cấp nào; trích yếu nội dung tham mưu, kiến nghị đề xuất; không bao gồm các văn bản triển khai thực hiện công tác ĐTCB lĩnh vực xuyên suốt); những vấn đề tham mưu, kiến nghị, đề xuất nào đã được cấp có thẩm quyền chỉ đạo, giải quyết.

**III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Khó khăn, vướng mắc

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC ĐTCB LĨNH VỰC TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Dự báo tình hình liên quan đến lĩnh vực

2. Nhiệm vụ, giải pháp công tác ĐTCB lĩnh vực trong thời gian tới

- Nêu các nhiệm vụ chủ yếu và những chỉ tiêu, yêu cầu cần đạt được trong

kỳ ĐTCB tiếp theo.

Nêu các giải pháp, biện pháp tiếp tục thực hiện đối với những vấn đề, đối tượng đã nhận diện, dự báo. Cụ thể đối với từng vấn đề đã nhận diện phải đề ra một số giải pháp về:

+ Triển khai công tác nghiệp vụ như thế nào (Tập trung rà soát sưu tra những diện/loại đối tượng nào? Tập trung xây xựng, bố trí CTVBM thực hiện những nhóm yêu cầu điều tra trinh sát gì, ở tuyến, địa bàn, địa chỉ nào? Tập trung phát hiện hiềm nghi, chuyên án về hoạt động nào? Tập trung đấu tranh, xử lý đối với loại hành vi nào, đối với nhóm đối tượng nào, ở khâu nào, địa bàn nào, tuyến nào?...).

+Phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể cấp nào, đơn vị nào, lãnh đạo, cán bộ nào làm, nhiệm vụ gì? Hướng dẫn, chỉ đạo, phối hợp các cấp, các đơn vị, hệ lực lượng như thế nào?

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị nào ở trong và ngoài ngành Công an? Nội dung phối hợp là gì? Cách thức phối hợp như thế nào?

3. Kiến nghị, đề xuất những vấn đề liên

quan

đến lĩnh vực:

Đề xuất tách riêng đối tượng trọng điểm hoặc lĩnh vực xuyên suốt mới để tập trung ĐTCB chuyên sâu với tư cách là đối tượng mới của công tác ĐTCB (nếu có).

Kiến nghị, tham mưu đề xuất nội dung, giải pháp về quản lý kinh tế- xã hội; quản lý nhà nước về môi trường tài nguyên/ an toàn thực phẩm; quản lý nhà nước về ANTT (Kiến nghị, khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập nào? Văn bản nào? Kiến nghị với cơ quan nào?)./.